

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 6 - 2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Việt Kiều;
2. Bà Trần Thị Ánh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Yến P, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện S, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lo, Hai – H, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Số 259/3 đoạn 1 lộ M, khóm 027, phường A, khu T, thành phố Đào Viên, Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng đề ngày 14/8/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P (sau đây gọi tắt là bà P) trình bày:

Bà và ông Lo, Hai – H (Quốc tịch Đài Loan) xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh An Giang ngày 29/5/2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 46, ngày 29/5/2018), tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2018. Sau đám cưới, vợ chồng sống chung với nhau khoảng một tuần, bà thực hiện thủ tục sang Đài Loan nhưng kết quả phỏng vấn không đạt nên ông Lo, Hai – H trở về Đài Loan sinh sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lo, Hai – H.

Về con chung: Không có; về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà P có đơn đề nghị xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn ông Lo, Hai – H cư trú tại Đài Loan theo Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự số: 64/UTTPDS-TA1 ngày 28/8/2019, cụ thể: Gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Lịch làm việc của Tòa án. Bộ Tư pháp đã gửi Văn bản ủy thác tư pháp đến Lãnh thổ Đài Loan, Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên bằng P thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an nơi ông Lo, Hai – H cư trú.

Ông Lo, Hai – H không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đề nghị xin vắng mặt phiên tòa; bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà P cư trú tại huyện S, tỉnh An Giang, Việt Nam; ông Lo, Hai – H cư trú tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[1.3] Bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lo, Hai – H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như ông Lo, Hai – H từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông Lo, Hai – H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà P và ông Lo, Hai – H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh An Giang ngày 29/5/2018 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Lo, Hai – H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Từ ngày bà P nộp đơn khởi kiện ly hôn đến ngày mở phiên tòa, ông Lo, Hai – H không liên lạc với bà P, ông Lo, Hai – H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó đã thể hiện ý chí của ông Lo, Hai – H không còn tình cảm vợ chồng với bà P, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà P.

Như vậy, hôn nhân giữa bà P và ông Lo, Hai – H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, bà P yêu cầu ly hôn với ông Lo, Hai – H là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P ly hôn với ông Lo, Hai – H.

[2.2] Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định: Giữa bà P và ông Lo, Hai – H không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung; Hội đồng xét xử không đối chất được lời khai của ông Lo, Hai – H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung giữa bà P và ông Lo, Hai – H.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến P được ly hôn với ông Lo, Hai – H.

2. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Yến P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0002535 ngày 28/8/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Yến P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005192 ngày 20/8/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bà Nguyễn Thị Yến P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- Ông Lo, Hai – H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- UBND huyện S, tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV – THA;
- Tòa Gia đình và Người chưa thành niên;
- Văn phòng;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ